TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 416/2024/DS-PT
Ngày 06 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phan Diệu Nhân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An có kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7563/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1959, có mặt;

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T; ông Nguyễn Quang H Luật sư, Văn phòng L5, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N, đều có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh M, sinh năm 1970, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông M: Ông Hoàng Văn D, Luật sư Văn phòng L6, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N, vắng mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Thái Thị T1, sinh năm 1978, có mặt;

2. Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1973, vắng mặt;

3. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 198, vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1984, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm H, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

5. Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1978, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Thái Thị T1, anh Nguyễn Minh L, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Minh S, anh Nguyễn Minh T2: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1959; đại chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, có mặt.

6. Anh Nguyễn Minh H2, sinh năm 1998, vắng mặt;

7. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 2001, vắng mặt;

8. Cháu Nguyễn Minh T3, sinh năm 2011, vắng mặt;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Minh T3: Chị Thái Thị T1, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Xóm H, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

9. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1955, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

10. Ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1962, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn T, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

11. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1966, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm B (trước đây là xóm C), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

12. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1970, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

13. Anh Hoàng Ngọc T6, sinh năm 1974, vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Ngọc T6: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1959, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt.

14. Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1976, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

15. Anh Hoàng Ngọc H3, sinh năm 1979, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm B (trước đây là xóm C), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Ngọc H4 (đã chết):

- Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1960, vắng mặt;

- Chị Hoàng Thị T8, sinh năm 1990, vắng mặt;

- Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1995, vắng mặt;

- Chị Hoàng Thị T9, sinh năm 1998, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Chị Hoàng Thị M1, sinh năm 1992, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

16. Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phú Đ, Chuyên viên phòng Tài nguyên - Môi trường UBND huyện N; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Minh N, có mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T5, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Minh L3, sinh năm 1911, mất năm 1985 và cụ Phạm Thị C, sinh năm 1920, mất năm 2006. Bố mẹ ông sinh được 7 người con gồm:

1. Ông Nguyễn Minh L4, sinh năm 1948, mất năm 2021;

2. Bà Nguyễn Thị X, mất năm 1988;

3. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1955;

4. Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1959 (nguyên đơn);

5. Ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1962;

6. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1966;

7. Nguyễn Minh M, sinh năm 1970 (bị đơn).

Ông Nguyễn Minh L4 có vợ là Trương Thị C1, mất năm 2018 có 5 người con, gồm: Nguyễn Minh H5 (mất năm 2016, anh H5 có vợ là chị Thái Thị T1 và 03 con Nguyễn Minh H2, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Minh T3); Nguyễn Minh L; Nguyễn Thị H1; Nguyễn Minh S; Nguyễn Minh T2.

Bà X có chồng là ông Hoàng Ngọc H4 (mất năm 2021); bà X và ông H4 có 3 người con chung là: Anh Hoàng Ngọc T6; chị Hoàng Thị K; anh Hoàng Ngọc H3 (đang ở nước ngoài không có địa chỉ). Sau đó, cùng năm 1988, sau khi bà X mất, ông Hòa kết h vợ 2 là bà Nguyễn Thị T7 có thêm bốn con Hoàng Thị T8;

Hoàng Thị M1; Hoàng Thị N1; Hoàng Thị T9.

Trong quá trình sinh sống, bố mẹ ông đã tạo lập được một thửa đất số 420 tại tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất số do UBND huyện N cấp năm 1997 có diện tích là 395m^2. Nay theo trích đo mới là thửa đất số 96 tại tờ bản đồ số 12, có diện tích 571,5m^2 (bao gồm 200 m^2 đất ở; 371,5 m^2 đất vườn) tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Quá trình sinh sống bố mẹ ông còn tạo lập được ngôi nhà 3 gian cột gỗ, xây tường đá, trên lợp ngói Prôximăng.

Diện tích đất là di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại, anh Nguyễn Minh M và vợ là Nguyễn Thị T5 đã tự động làm thủ tục kê khai để GCNQSD đất mang tên mình là Nguyễn Minh M và Nguyễn Thị T5, khi chưa được sự đồng ý của các anh chị em trong gia đình. Anh em trong gia đình ông đề nghị vợ chồng anh M trích lại một phần diện tích đất của bố mẹ để lại, để xây nhà làm nơi đi về và thờ cúng bố mẹ, nhưng vợ chồng anh M không đồng ý.

Khi còn sống, bố mẹ ông không cho ai nhà và đất nêu trên của mình và đến khi chết, bố mẹ ông cũng không để lại di chúc. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông và những người thừa kế theo quy định của pháp luật; ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 321422 do UBND huyện N cấp ngày 19/7/2017 mang tên anh Nguyễn Minh M và vợ là Nguyễn Thị T5 đối với diện tích là 571,5m^2 thuộc thửa đất số 96 tại tờ bản đồ số 12, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Chia di sản thừa kế của bố mẹ ông là ông Nguyễn Minh L3 và bà Phạm Thị C để lại là: 571,5m^2 đất thuộc thửa đất số 96 tờ bản đồ số 12, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và ngôi nhà 3 gian cột gỗ, tường xây bằng đá có trên đất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Minh M trình bày: Nhất trí với ý kiến của phía nguyên đơn về quan hệ huyết thống; thời gian các cụ và anh chị em trong gia đình chết; các tài sản và nguồn gốc tài sản đang tranh chấp. Tuy nhiên, bố ông mất khi ông còn nhỏ, mẹ ông mất khi ông đã lập gia đình; vợ chồng ông ở chung nuôi mẹ cho đến khi mẹ mất. Khi mất bà có để lại di chúc nội dung để lại toàn bộ thửa đất cho vợ chồng ông được thừa kế. Năm 1997, vợ chồng ông được cấp bìa đất đối với thửa đất tranh chấp theo nghị định 64-CP, bìa đất mang tên Nguyễn Minh M. Sau đó năm 2017, cấp lại giấy chứng nhận 571,5m^2 đất thuộc thửa đất số 96 tờ bản đồ số 12, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An mang tên Nguyễn Minh M và Nguyễn Thị T5.

Nay ông Nguyễn Minh N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thửa đất nêu trên ông không đồng ý vì đất được cấp cho vợ chồng ông đúng theo quy định pháp luật vì di chúc của mẹ để lại toàn bộ thửa đất cho vợ chồng ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T5 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Minh M, bà nhất trí như ý kiến của chồng là ông Nguyễn

Minh M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4 và bà Nguyễn Thị L2 trình bày: Hai bà nhất trí như ý kiến của ông Nguyễn Minh M. Thửa đất mẹ các bà đã để lại di chúc hợp pháp cho hai vợ chồng em trai M, T5 tại hôm giỗ bố; hai bà T4, bà L2 chứng kiến việc công bố di chúc của mẹ. Hai bà không đồng ý chia thừa kế, nếu được chia các bà thống nhất để lại phần của mình cho em trai Nguyễn Minh M và vợ là Nguyễn Thị T5.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L4 và ông Nguyễn Minh B trình bày: Ông L4 và ông B đồng ý với ý kiến của nguyên đơn ông Nguyễn Minh N, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ kiện, ngày 31/3/2021 ông Nguyễn Minh L4 mất. Tòa án đã đưa những người thừa kế của ông L4 tham gia tố tụng bao gồm bà Thái Thị T1 và 03 con Nguyễn Minh H2, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Minh T3 (là vợ và con của con trai đầu ông L4, anh Nguyễn Minh H5); và các con thứ của ông L4 gồm ông Nguyễn Minh L, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Minh S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị T1 trình bày: Chồng chị là anh Nguyễn Minh H5 là cháu nội cụ Nguyễn Minh L3 và cụ Phạm Thị C; nhất trí với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống; về tài sản và nguồn gốc tài sản. Quá trình sinh sống hai cụ còn tạo lập được ngôi nhà 5 gian trên đất sinh sống. Đến nay qua thời gian còn lại là ngôi nhà 3 gian cột gỗ, xây tường đá, trên lợp ngói Prôximăng.

Bố chồng chị T1 là ông Nguyễn Minh L4 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bố chồng chị (ông Nguyễn Minh L4) đã mất ngày 31/03/2021. Bố chồng chị có 5 người con là: Anh Nguyễn Minh H5 (là chồng chị T1, mất năm 2016), chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Minh L, và anh Nguyễn Minh S và anh Nguyễn Minh T2. Chị và anh Nguyễn Minh H5 có 03 người con: Nguyễn Minh H2 (1998), Nguyễn Thị L1 (sinh năm 2001), Nguyễn Minh T3 (sinh năm 2011).

Nay ông Nguyễn Minh N làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Minh L3 và cụ Phạm Thị C để lại, chị đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N. Trường hợp, nếu phần di sản thừa kế được chia, chị xin nhường lại phần mà chị được hưởng cho ông Nguyễn Minh N, ông Nguyễn Minh N có toàn quyền định đoạt phần thừa kế mà chị được hưởng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm chị T1 yêu cầu chia phần thừa kế của chồng mình được hưởng theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Ngọc T6 trình bày:

Anh T6 là cháu ngoại cụ Nguyễn Minh L3 và cụ Phạm Thị C. Ông thống nhất về hàng thừa kế và nguồn gốc thửa đất tranh chấp như nguyên đơn ông N khai.

Em trai anh Hoàng Ngọc Hóa s năm 1979, đã đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nhưng đã nhảy việc ra ngoài làm, hiện gia đình không rõ địa chỉ. Vợ anh H3 là chị Nguyễn Thị H6 hiện cư trú xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, vợ chồng anh H3 vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại nhưng không rõ địa chỉ ở Hàn Quốc.

Nay ông N làm đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, anh không yêu cầu chia di sản thừa kế, nếu được chia anh nhường lại phần của anh cho các cậu (4 cậu).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T7 và 04 con là chị Hoàng Thị T8, chị Hoàng Thị M1, chị Hoàng Thị N1, chị Hoàng Thị T9 (vợ hai ông Hoàng Ngọc H4 và bốn con) trình bày: Bà T7, chị T8, chị M1, chị N1, chị T9 không yêu cầu nhận di sản thừa kế phần ông H4 và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N trình bày: Ông Nguyễn Minh M được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64 với diện tích đất ở 200m^2, đất vườn 195m^2 tại thửa số 420, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299) tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 634309. Nguồn gốc thửa đất theo báo cáo của UBND xã và phiếu ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất thì thửa đất do ông Nguyễn Minh L3 sử dụng từ năm 1978, đến năm 1995 tặng toàn bộ cho ông Nguyễn Minh M.

Ngày 19/7/2017, UBND huyện N cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành CĐ 321422 cho ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 với diện tích 571,5 m^2 tại thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính xã N).

Theo hồ sơ thì việc cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh M là đúng quy định của pháp luật.

Việc ông Nguyễn Minh N khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất trên theo quan điểm của UBND huyện N là không có cơ sở.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã áp dụng:

Căn cứ các Điều 26, 34, 39, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 197, 198, 650, 657 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 219, 610, 612, 623, 650, 651, 652, 658 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N về hủy quyết định cá biệt: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 321422 ngày 19/7/2017 mang tên ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 đối với thửa đất thửa số 96,

tờ bản đồ số 12 diện tích 571,5m^2 tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Chia di sản thừa kế thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12 diện tích 571,5 m^2 tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An như sau:

2.1. Buộc ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 giao cho ông Nguyễn Minh N 119m^2 đất (trong đó có 41m^2 đất ở và 78m^2 đất vườn) trị giá 476.000.000 (bốn trăm bảy mươi sáu triệu) đồng có tứ cận:

- Phía Bắc giáp phần đất được chia cho ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 dài 5,62m;

- Phía Đông giáp đường giáp phần đất được chia cho ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 có độ dài 22,54m (gồm các đoạn 6,76m + 4,91m + 10,87m);

- Phía Tây giáp đường bê tông có độ dài 20,97m (gồm các đoạn 7,35m + 4,33m + 9,29m);

- Phía Nam giáp thửa đất số 120, tờ bản đồ số 12 địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

(Có sơ đồ kèm theo).

2.2. Giao cho ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 có quyền sử dụng 452,5m^2 (trong đó có 159m^2 đất ở và 293,5m^2 đất vườn) trị giá 1.810.000.000 (một tỷ tám trăm mười triệu) đồng.

- Phía Đông giáp thửa đất số 97, tờ bản đồ số 12 địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

- Phía Nam giáp thửa đất số 120, tờ bản đồ số 12 địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có độ dài 13,74m (gồm các đoạn 6,94m + 1,36m + 2,44m + 3,00m) và giáp phần đất được giao cho ông Nguyễn Minh N có độ dài 5,62m;

- Phía Tây giáp phần đất được giao cho ông Nguyễn Minh N có độ dài 22,54m (gồm các đoạn 6,76m + 4,91m + 10,87m) và giáp đường bê tông (đoạn cong) dài 10,77m (gồm các đoạn 3,77m + 0,54m + 0,06m + 3,94m + 1,23m + 1,23m);

- Phía Bắc giáp đường nhựa có độ dài 25,34m (gồm các đoạn 8,45m + 0,79m + 8,01m + 4,65m + 3,44m).

(Có sơ đồ kèm theo).

2.3. Buộc ông Nguyễn Minh N trích chia thừa kế cho ông Nguyễn Minh B 158.600.000 (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng; trích chia cho chị Thái Thị T1, anh Nguyễn Minh L, anh Nguyễn Minh S, anh Nguyễn Minh T2, chị Nguyễn Thị H1 mỗi người 31.720.000 (ba mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

2.4. Kể từ ngày ông Nguyễn Minh B, chị Thái Thị T1, anh Nguyễn Minh L, anh Nguyễn Minh S, anh Nguyễn Minh T2, chị Nguyễn Thị H1 có đơn yêu cầu

thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Minh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.5. Ông Nguyễn Minh N, ông Nguyễn Minh M, bà Nguyễn Thị T5 có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSD đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/8/2023 bị đơn là ông Nguyễn Minh M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T5; ngày 28/8/2023 nguyên đơn là ông Nguyễn Minh N đều có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Minh N giữ nguyên nội dung kháng cáo; ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 vắng mặt.

Các đương sự trình bày:

- Phía nguyên đơn có kháng cáo trình bày: Bố, mẹ ông mất không để lại di chúc để chia di sản thừa kế, nên đề nghị Tòa án chia di sản của bố mẹ theo quy định của pháp luật; ông M tuy có xuất trình di chúc cho rằng của mẹ ông để lại, nhưng ông không công nhận vì ông không biết gì về bản di chúc này.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông N trình bày: Cụ L3 mất năm 1985, nhưng theo Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế trước ngày 30/10/1990 được tính từ ngày 30/10/1990; thời hiệu yêu cầu chia thừa kế với bất động sản là 30 năm; ngày 10/6/2020 ông N nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L3 vẫn còn. Di sản thừa kế của cụ L3, cụ C là quyền sử dụng diện tích 571,7m^2 đất và nhà trên đất, tuy diện tích đất có tăng lên, nhưng theo bị đơn trình bày thì ranh giới thửa đất không có gì thay đổi, bị đơn cũng không mua thêm hay được tặng cho, nên diện tích đất tăng thêm là do đo đạc; trong đơn đề nghị cấp đổi GCNQSD đất có xác nhận của chính quyền địa phương thì chính ông M cũng kê khai nguồn gốc là cụ L3 để lại; phiếu lấy ý kiến dân cư cũng xác định nguồn gốc đất do cụ L3 sử dụng từ năm 1978; quá trình sử dụng cụ L3, cụ C không tặng cho ai, nên di sản thừa kế thuộc các thừa kế của hai cụ, nhưng ông M tự ý kê khai để được cấp GCNQSD đất là trái pháp luật. Di chúc do phía bị đơn xuất trình trái pháp luật; bởi vì, di chúc được lập năm 2005 nên phải áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005; di chúc không thể hiện rõ thời gian, thông tin người lập di chúc và người được hưởng di sản theo di chúc; di chúc thể hiện tại thời điểm năm 2005 cụ C 82 tuổi là không đúng mà tại thời điểm này cụ C 85 tuổi, di chúc thể hiện cụ C có hộ khẩu tại N nhưng không có tài liệu gì chứng minh nơi cư trú của cụ C; di chúc không thể hiện đầy đủ địa chỉ nơi để lại di sản; di chúc không do cụ C lập nhưng lại không có 02 người làm chứng chứng kiến, cụ C không điểm chỉ vào từng trang của di chúc;

theo bị đơn thì di chúc sau khi lập được ông T10 là trưởng xóm ký xác nhận, hiện ông T10 còn sống nhưng cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ. Về nội dung di chúc thì cụ C định đoạt toàn bộ diện tích 571,5m^2 đất là vượt quá quyền về tài sản của cụ C, vì cụ C chỉ có quyền đối với ½ tài sản. Từ các phân tích trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông N, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L3, cụ C theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 có kháng cáo nhưng đều vắng mặt, tuy Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận được đơn thể hiện nội dung ông M và bà T5 rút đơn kháng cáo, nhưng đơn không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, nên không đủ căn cứ; nhưng đây là phiên tòa được mở lần thứ ba nhưng ông M và bà T5 đều vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông M, bà T5.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, tài liệu để làm căn cứ giải quyết vụ án; nên bản án sơ thẩm giải quyết đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh N.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông M, bà T5; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh N là đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ là cụ Nguyễn Minh L3 và cụ Phạm Thị C là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 02, diện tích 395m^2 (nay thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 12) có diện tích là 571,5m^2, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và tài sản trên đất là 03 gian nhà gỗ. Đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự; ngoài yêu cầu chia di sản thừa kế, thì ông Nguyễn Minh N còn yêu cầu hủy GCNQSD đất. Đây là quyết định hành chính cá biệt của cơ quan hành chính Nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Cụ Nguyễn Minh L3 chết năm 1985, cụ Phạm Thị C chết năm 2006. Căn cứ Điều 688, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu mở thừa kế đối với bất động sản là 30 năm. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 19/10/1990 thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Ngày 01/7/2020 ông Nguyễn Minh N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính và khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đúng quy định của pháp luật; quá trình giải quyết vụ án một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, hoặc đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 01/3/2023, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa để xét xử đối với vụ án; sau khi xét hỏi Hội đồng xét xử thấy cần thu thập thêm chứng cứ, tài liệu, nên đã tạm ngừng phiên tòa. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian tạm ngừng phiên tòa theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không có bất kỳ hoạt động tố tụng nào, hồ sơ vụ án cũng không thể hiện được lý do tạm ngừng phiên tòa còn hay không còn để thực hiện tiếp các hoạt động tố tụng; hết thời hạn một tháng Tòa án cấp sơ thẩm không tạm đình chỉ vụ án, nhưng đến ngày 30/6/2023 lại có quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ yêu cầu của đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã thành lập Hội đồng định giá tài sản. Theo Quyết định số 309/2021/QĐ-ĐG ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thì Chủ tịch Hội đồng định giá là bà Trần Thị G. Tuy nhiên, tại biên bản định giá ngày 09/11/2021 thì thành phần Hội đồng định giá có tên bà G, nhưng bà Trần Thị G không ký vào biên bản định giá là vi phạm điểm c khoản 4 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[5] Xét về nguồn gốc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 96, tờ bản đồ số 12) tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như cơ quan quản lý đất đai UBND huyện N đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 420 tại tờ bản đồ số 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 634309 do UBND huyện N cấp ngày 21/11/1997 có diện tích là 395m^2 mang tên ông Nguyễn Minh M nay theo trích đo mới là thửa đất số 96 tại tờ bản đồ số 12, có diện tích là 571,5m^2 (bao gồm 200 m^2 đất ở, 372,5 m^2 đất vườn) tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và ngôi nhà 3 gian cột gỗ, xây tường đá, trên lợp ngói

Prôximăng có nguồn gốc của vợ chồng hai cụ Nguyễn Minh L3 và cụ Phạm Thị C để xác định di sản thừa kế là có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ quản lý đất đai thể hiện nguồn gốc đất của hai cụ là 395m^2; năm 1997 UBND huyện N cấp GCNQSD đất cho ông M diện tích cũng chỉ 395m^2, đến năm 2017 vợ chồng ông M được cấp đổi GCNQSD đất đối với thửa đất nêu trên, nhưng diện tích được cấp là 571,5m^2 phù hợp với diện tích gia đình ông M sử dụng thực tế theo kết quả thẩm định. Như vậy, giữa diện tích đất có nguồn gốc của cụ L3, cụ C so với diện tích hiện tại sử dụng và được cấp GCNQSD đất có sự chênh lệch lớn (176,5m^2). Theo ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 thì diện tích đất tăng lên này do gia đình nhận chuyển nhượng của tặng cho của ông Nguyễn Bạt H7 và gia đình tự khai phá thêm, nên phần diện tích tăng thêm này không phải là di sản thừa kế của cụ L3, cụ C. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ phần diện tích đất tăng lên này do đâu nhưng đã xác định là di sản thừa kế của cụ L3, cụ C để chia di sản thừa kế là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[6] Xét di chúc cụ Phạm Thị C, thấy: Di chúc tuy được lập thành văn bản có chứng thực của UBND xã N, huyện N. Tuy nhiên, theo đương sự thì do cụ C không biết chữ nên đã nhờ ông Nguyễn Đình H8 viết hộ, không phải là người có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực lập, nên di chúc được lập không tuân thủ đúng quy định tại Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005. Cụ thể: Khoản 1 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Người lập di chúc tuyên bố nội dung di chúc trước công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn ký vào bản di chúc". Do đó, di chúc của cụ C để lại không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về di chúc có công chứng, hoặc chứng thực. Theo quy định tại Điều 656 Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết được thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất hai người làm chứng; di chúc của cụ C không do cụ C tự viết mà phải nhờ người khác viết hộ, nên theo quy định phải có hai người làm chứng mới phù hợp với quy định của pháp luật, nhưng di chúc của cụ C để lại không có người làm chứng nên vi phạm pháp luật. Hơn nữa, di chúc không thể hiện về mặt thời gian; nội dung di chúc không thể hiện rõ ràng về địa chỉ tài sản, định đoạt vượt quá phần tài sản của người để lại di chúc là không tuân thủ quy định tại Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy, xét bản di chúc của cụ C để lại không thực hiện đúng quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung, nên không có giá trị pháp lý. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ, nhưng đã đánh giá bản di chúc có giá trị pháp lý để chia di sản thừa kế của cụ C theo di chúc là chưa chuẩn xác.

[7] Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định phần tài sản vượt quá, cần phải xác định lại, nên các yêu cầu khác của nguyên đơn trong vụ án này cũng chưa đủ căn cứ để xác định, nên cần phải xem xét lại.

Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện không đúng quy định của pháp luật, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa xác định đúng phần tài sản vượt quá, cũng như chưa xem xét, đánh giá đúng giá trị pháp lý của bản di chúc do cụ C để lại nhưng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để chia di sản thừa kế là thiếu căn cứ vững chắc, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự; vi phạm này của Tòa án cấp sơ thẩm cấp phúc thẩm không khắc phục được và nếu khắc phục để xem xét, giải quyết luôn sẽ ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của các đương sự. Do đó, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại; tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 là những người có đơn kháng cáo nhưng đều vắng mặt, Tòa án nhận được đơn thể hiện nội dung ông M, bà T5 rút kháng cáo nhưng đơn không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không đủ căn cứ xác định đơn của ông M, bà T5. Hơn nữa, do hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại, nên các yêu cầu của các đương sự sẽ được xem xét giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

[9] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm, nên những người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; án phí dân sự sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, tiền tạm ứng chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST, ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị T5 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm; tiền án phí, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An (kè theo Hồ sơ vụ án);
- Cục THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm